

**TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHÁCH SẠN BẾN THÀNH (REX)**

----- * -----

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
KHÁCH SẠN BẾN THÀNH (REX)**

141 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tháng 1/2021

MỤC LỤC

A/ CƠ SỞ PHÁP LÝ	3
B/ THÔNG TIN CHUNG	4
Giới thiệu chung.....	4
Địa điểm, quy mô hoạt động.....	4
1/ Vị trí và diện tích.....	4
2/ Quy mô công trình.....	5
3/ Tình hình sử dụng nước.....	5
4/ Tình hình sử dụng điện.....	5
C/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	6
1/ Về công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải.....	6
1.1 Xử lý nước thải.....	6
1.2 Kết quả quan trắc nước thải.....	9
2/ Về công trình bảo vệ đối với khí thải.....	12
2.1 Xử lý khí thải.....	12
2.2 Kết quả quan trắc khí thải.....	13
3/ Chất thải rắn và chất thải nguy hại.....	16
3.1 Chất thải rắn sinh hoạt.....	16
3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	16
3.3 Chất thải rắn nguy hại.....	16
4/ Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra (nếu có).....	17

GIẢI THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

BOD : Biochemical oxygen demand – nhu cầu oxy sinh hóa.

COD : Chemical oxygen demand – nhu cầu oxy hóa học.

TSS : Total Suspended solid – Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng.

TDS : Total Dissolved solid – Tổng hàm lượng chất rắn hòa tan.

A/ CƠ SỞ PHÁP LÝ

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường được dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019, điều 37 quy định về việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

Các giấy tờ pháp lý của khách sạn Rex:

- Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số : 0300625210-002 cho đơn vị khách sạn Bến Thành (Rex) trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/07/2015.
- Quyết định về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường của khách sạn Rex do Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 03/09/2009.
- Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án cải tạo nâng cấp khu Đông – khu Tây do Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 24/06/2010.
- Sổ Đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số : QLCTNH 79.000039.T của khách sạn Bến Thành (Rex) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/06/2015 (Cấp lần 3)
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số: 1130/GP-STNMT-TNNKS của khách sạn Bến Thành (Rex) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/10/2019.

B/ THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu chung

Tên Công ty: KHÁCH SẠN BẾN THÀNH

Tên giao dịch: REX HOTEL

Đơn vị chủ quản: TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN TNHH Một Thành viên

Địa chỉ: 141 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận I, Tp.HCM

Điện thoại: 3829 2185 / 3829 3115

Fax: 3829 6536 / 3829 1469

Website: www.rexhotelvietnam.com

Email: rexhotel@rex.com.vn

Giám đốc: Ông Phan Thanh Long

Cán bộ phụ trách Môi trường: Vũ Ngọc Lộc

Điện thoại: 38299087

Di động: 0908 283 326

Email: vn.loc@rex.com.vn

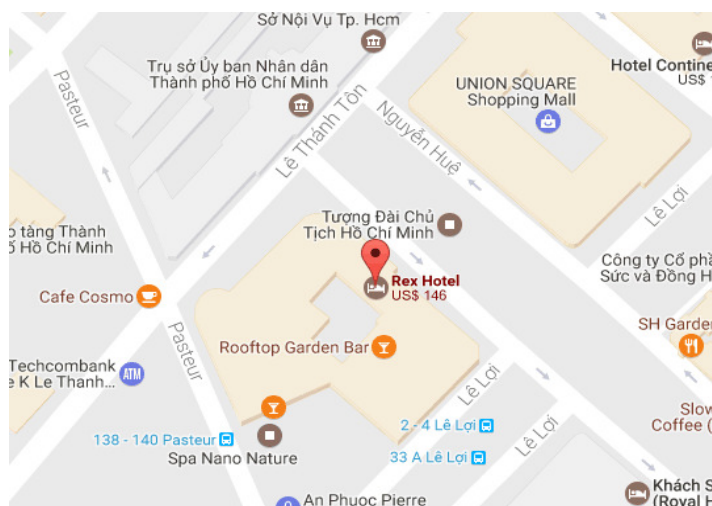
Ngành, nghề kinh doanh :

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, ca nhạc, cho thuê cửa hàng kinh doanh, văn phòng đại diện. Kinh doanh sân quần vợt, massage – sauna, hồ bơi, hàng thủ công mỹ nghệ. Kinh doanh rượu các loại. mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Đại lý đổi ngoại tệ.

Địa điểm, quy mô hoạt động:

1. Vị trí và diện tích

Khách sạn Rex được xây dựng tại số 141, 155 Nguyễn Huệ; 77 Lê Thánh Tôn; 146, 148, 150 Pasteur, phường Bến Nghé, quận I, Tp.HCM; phía Đông giáp với đường Nguyễn Huệ; phía Tây giáp với đường Pasteur; phía Nam giáp với đường Lê Lợi và khu dân cư; phía Bắc giáp với đường Lê Thánh Tôn.



2. Quy mô công trình

Khách sạn Rex là một khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao, bao gồm 286 phòng ngủ. Cơ sở hạ tầng khách sạn Rex được xây dựng trên diện tích đất 8.035 m² chia thành 3 khu: khu Đông (3.060 m²), khu New (2.932 m²), và khu Tây (2.043 m²).

- Khu Đông: cao 6 tầng bao gồm: 86 phòng ngủ, 1 bếp, 1 nhà hàng, 1 bar, 7 phòng tiệc – hội nghị, 1 CLB trò chơi có thưởng, 1 hồ bơi, chuỗi cửa hàng thời trang tại tầng trệt, 1 hệ thống máy lạnh trung tâm, 1 hệ thống cung cấp nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời.
- Khu New: cao 5 tầng, 1 tầng áp mái, bao gồm: 75 phòng ngủ, 1 bếp, 2 phòng tiệc – hội nghị, 1 hồ bơi, 1 phòng tập thể dục, chuỗi cửa hàng thời trang tại tầng trệt, 1 nhà giặt, 2 tầng hầm để xe, 1 hệ thống máy lạnh trung tâm, 1 máy phát điện dự phòng 1500 KVA, 1 hệ thống cung cấp nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời, 1 hệ thống xử lý nước thải 150 m³/ ngày đêm, 1 nhà chứa rác thải.
- Khu Tây: cao 6 tầng, 1 tầng áp mái bao gồm: 125 phòng ngủ, 1 bếp, 1 nhà hàng, 1 cửa hàng cà phê, 1 Câu lạc bộ massage, 1 sân tennis, khối văn phòng nội bộ, 1 hệ thống máy lạnh trung tâm, 2 máy phát điện dự phòng 1250 KVA và 1500 KVA, 1 hệ thống cung cấp nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời, 1 hệ thống xử lý nước thải 130 m³/ ngày đêm .

3. Tình hình sử dụng nước:

Nguồn nước sử dụng cho hoạt động của khách sạn được cấp từ Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành. Nước được sử dụng cho sinh hoạt của nhân viên, khách hàng, và phục vụ hoạt động nấu nướng của khách sạn. Nhu cầu sử dụng nước của khách sạn Rex trong 3 tháng gần đây trung bình khoảng 4.404 m³/tháng tương đương với 147 m³/ngày.

Bảng 3.1 Lượng nước tiêu thụ của khách sạn

STT	Tháng tiêu thụ	Số lượng (m ³ /tháng)
1	Tháng 09/2020	3.584
2	Tháng 10/2020	4.713
3	Tháng 11/2020	4.914
Trung bình		4.404

(Nguồn: Khách Sạn Rex)

4. Tình hình sử dụng điện:

Khách sạn sử dụng nguồn điện của Tổng Công ty Điện lực Tp HCM để cung cấp cho quá trình hoạt động. Nhu cầu sử dụng điện của khách sạn trong 03 tháng gần đây trung bình khoảng 476 ngàn kWh/tháng.

2 Bảng 1.2. Lượng điện tiêu thụ của khách sạn

STT	Tháng	Số lượng (kw/tháng)
1	Tháng 09/2020	454.755
2	Tháng 10/2020	471.036
3	Tháng 11/2020	510.106
Trung bình		476.832

(Nguồn: Khách Sạn Rex)

C/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH - BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Vị trí công trình xả nước thải tại: khuôn viên khách sạn Bến Thành (REX) số 141 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM. Gồm 2 vị trí:
 - + Vị trí 1: trước giao lộ giữa đường Lê Thánh Tôn - Pasteur (kể từ chiều sáng 30 – 31), phường Bến Nghé, Quận 1.
 - + Vị trí 2: trên đường Nguyễn Huệ (gần giao lộ đường Lê Thánh Tôn - Nguyễn Huệ).
- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống cống chung Thành phố
- Tọa độ vị trí xả thải: (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiều 3⁰)

Điểm xả thải	Tọa độ VN-2000	
	X (m)	Y (m)
khách sạn Bến Thành (REX) số 141 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	603.922	1.191.779

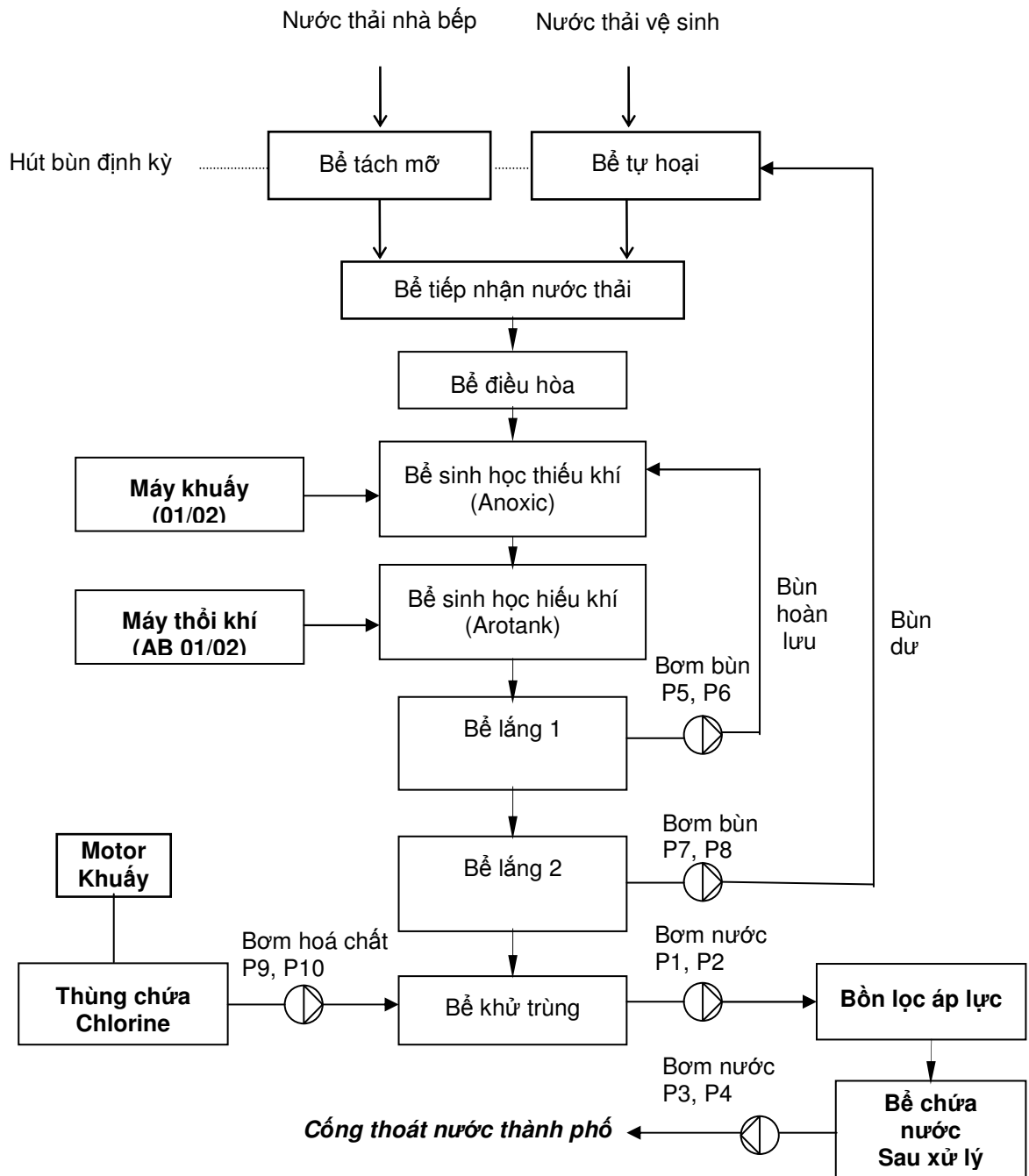
- Phương thức và chế độ xả nước thải: Nước thải sau khi tập trung vào hệ thống xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B), hệ số K=1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sẽ được bơm đẩy theo cống ngầm nội bộ, sau đó ra cống chung thành phố, xả ngầm liên tục (24 giờ/ngày đêm)
- Lưu lượng nước thải được phép xả thải: 270 m³/ngày đêm: 11,25 m³/giờ
- Giới hạn xả thải: Thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số K = 1.
- Dựa vào đồng hồ đo lưu lượng nước thải lắp đặt tại Bể cuối hệ thống xử lý nước thải của khách sạn có thể tính được lưu lượng của nước thải trung bình 4.322 m³/tháng, 144 m³/ngày.

Bảng ghi nhận lưu lượng nước thải:

Đơn vị tính: m³

THÁNG												TRUNG BÌNH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
7257	5931	5312	2819	2685	3459	4523	3782	3197	4186	4356	4357	4322

Sơ đồ khối công nghệ xử lý nước thải tập trung



Thuyết minh công nghệ:

- Nước thải sinh ra đều tập trung về bể tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải. Bể này có nhiệm vụ lắng các chất huyền phù, các cặn thô, các chất dễ lắng...để giảm bớt một phần các chất ô nhiễm và tạo môi trường thuận lợi cho các quá trình xử lý ở phía sau.

- Từ bể tiếp nhận, nước thải được dẫn qua bể điều hòa. Bể này có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và tải lượng ô nhiễm tránh gây sốc cho giai đoạn xử lý sinh học.
- Từ bể điều hòa, Nước được dẫn qua bể sinh học thiếu khí (Anoxic). Tại bể này, nước được khuấy trộn liên tục (nhờ 2 máy khuấy AB 01/02). Bể này có nhiệm vụ khử N có trong nước thải từ quá trình hoạt động vi sinh vật thiếu khí và sử dụng CH_3OH làm chất xúc tác diễn ra như sau:

Nitrate nitrogen + CH_3OH > N_2 + độ kiềm/Alkali

- Từ bể thiếu khí, Nước được dẫn qua bể sinh học hiếu khí. Tại bể này, khí được thổi liên tục (nhờ 2 máy thổi khí AB 01/02) từ dưới lên theo một hệ thống sục khí khuếch tán (nhờ giàn đĩa phân phối khí) và hòa tan oxy vào nước. Trong điều kiện sục khí liên tục, các vi sinh hiếu khí sẽ oxy hóa hầu hết các chất hữu cơ (chất ô nhiễm) có trong nước thải.

Phương trình phản ứng cơ bản của nó là:

Tế bào vi sinh + Chất hữu cơ + O_2 \longrightarrow Tế bào mới + CO_2 + H_2O

- Nước sau khi ra khỏi bể sinh học hiếu khí sẽ tự chảy qua bể lắng, tại bể lắng phần bùn hoạt tính sẽ được lắng xuống đáy, một phần bùn sẽ được bơm tuần hoàn (bơm bùn P5, P6) lại bể sinh học hiếu khí để tiếp tục duy trì nồng độ bùn hoạt tính trong bể sinh học hiếu khí, phần bùn dư sẽ được bơm (bơm bùn P7, P8) về bể tự hoại và được hút bỏ định kỳ. Phần nước trong trên mặt bể lắng sẽ tự chảy đến bể tiếp xúc khử trùng.
- Nước thải trong bể khử trùng được châm dung dịch chlorine với liều lượng $6\text{g}/\text{m}^3$ nước (nhờ bơm định lượng hóa chất P9, P10), để khử trùng các vi sinh vật gây bệnh có trong nguồn nước thải. Từ bể khử trùng, nước được bơm (bơm nước P1, P2) qua bồn lọc áp lực trước khi tập trung về bể chứa. Nước từ bể chứa sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn (QCVN 14:2008) sẽ được bơm (bơm nước P3, P4) ra hệ cống thoát nước của thành phố.

Phương án vận hành công trình xử lý nước thải:

Hiện nay, khách sạn đã ký hợp đồng số: 1006/HĐKT/MTVN/2020 ngày 10/06/2020 với Công ty Cổ phần Xử lý Môi trường Việt Nam để thực hiện dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và kiểm soát chất lượng nước thải sau khi xử lý. Với đội ngũ Kỹ sư, công nhân chuyên ngành đảm nhận các công việc như sau:

- Hằng ngày thực hiện công việc vận hành kiểm tra, kiểm soát nhằm bảo đảm các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải trong tình trạng hoạt động tốt.
- Tiến hành châm chlorine diệt khuẩn; châm bổ sung dinh dưỡng, vi sinh khi cần.
- Kiểm tra vệ sinh định kỳ các bể phốt, bể lắng, bể tách mỡ để làm giảm một phần các chất ô nhiễm, và tránh làm nghẹt đường ống trong hệ thống.
- Kiểm soát chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột B, hệ số $K=1$; và định kỳ mỗi tháng/lần khách sạn lấy mẫu gửi đến các phòng xét nghiệm quan trắc chất lượng các thông số.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc: Tháng 3, 6, 9, 12
 - Tần suất quan trắc: định kỳ 3 tháng/lần.
 - Vị trí quan trắc, và số lượng mẫu quan trắc:
- + Vị trí 1: nước thải đầu vào – khu Tây, bể điều hòa hệ thống xử lý nước thải tập trung khu Tây công suất 130 m³ số 77 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận I. Số lượng mẫu: 01.
- + Vị trí 2: nước thải đầu ra – khu Tây sau xử lý, hố ga trước giao lộ giữa đường Lê Thánh Tôn - Pasteur (kể từ chiều sáng 30 – 31), phường Bến Nghé, Quận 1. Số lượng mẫu: 01.
- + Vị trí 3: nước thải đầu vào – khu B2, bể điều hòa hệ thống xử lý nước thải tập trung khu B2 (khu Đông và khu New) công suất 150 m³ số 141, 155 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận I. Số lượng mẫu: 01.
- + Vị trí 4: nước thải đầu ra – khu B2 sau xử lý, hố ga trên đường Nguyễn Huệ (gần giao lộ đường Lê Thánh Tôn - Nguyễn Huệ). Số lượng mẫu: 01.

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu Tây					
Vị trí 1	Nước thải đầu vào – khu Tây	03.20. NT404	31/03/2020			Tại bể điều hòa tập trung nước thải đầu vào của khu Tây
		06.20. NT136	03/06/2020			
		09.20. NT438	18/09/2020			
		12.20. NT	17/12/2020			
Vị trí 2	Nước thải đầu ra – khu Tây	03.20. NT405	31/03/2020			Nước thải đầu ra tại hố ga trên đường Pasteur – Lê Thánh tôn
		06.20. NT137	03/06/2020			
		09.20. NT439	18/09/2020			
		12.20. NT	17/12/2020			

2		Khu B2 (khu Đông và New)				
Vị trí 3	Nước thải đầu vào – khu B2	03.20. NT406	31/03/2020			Tại bể điều hòa tập trung nước thải đầu vào của khu Đông và khu New ở tầng hầm B2
		06.20. NT134	03/06/2020			
		09.20. NT436	18/09/2020			
		12.20. NT	17/12/2020			
Vị trí 4	Nước thải đầu ra – khu B2	03.20. NT407	31/03/2020			Nước thải đầu ra tại hố ga giao lộ Lê Thánh Tôn - Nguyễn Huệ
		06.20. NT135	03/06/2020			
		09.20. NT437	18/09/2020			
		12.20. NT	17/12/2020			

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường Quan trắc	Theo QCVN
1	pH	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B; K = 1
2	BOD ₅	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	
5	Sunfua	
6	Amoni	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	
8	Tổng dầu mỡ ĐTV	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	
10	Phosphat	
11	Coliform	

Bảng 3. Kết quả quan trắc

- Kết quả quan trắc mẫu nước thải đầu vào:

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số										
			pH	TSS	TDS	BOD ₅	Nitrat	Phosphat	Amoni	Sunfua	Tổng dầu mỡ ĐTV	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Coliform
			-	mg/L	mg/L	mgO ₂ /L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L
1	Đầu vào Khu Tây	03.20. NT404	6,91	739	1.889	204	65,3	18,7	41,4	12,0	15,8	4,52	15.000
		06.20. NT136	7,17	389	1.330	563	70,0	17,0	42,9	8,63	14,7	5,69	11.000
		09.20. NT438	7,12	126	1.028	167	68,3	14,2	16,9	7,51	23,1	14,0	75.000
		12.20. NT21	7,1	86	1.064	113	50,7	12,6	22,3	6,1	21,7	13,2	64.000
2	Đầu vào Khu B2	03.20. NT406	7,13	1244	2.441	189	58,7	15,3	30,2	7,4	20,0	8,36	20.000
		06.20. NT134	7,2	245	1.758	347	63,5	12,9	14,8	5,63	10,0	9,69	15.000
		09.20. NT436	6,97	41,0	980	72,7	57,2	11,2	13,1	5,07	964	12,1	11.500
		12.20. NT519	7,2	205	955	148	45,5	10,2	24,7	4,62	882	14	15.000

- Kết quả quan trắc mẫu nước thải đầu ra:

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số										
			pH	TSS	TDS	BOD ₅	Nitrat	Phosphat	Amoni	Sunfua	Tổng dầu mỡ ĐTV	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Coliform
			-	mg/L	mg/L	mgO ₂ /L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L
1	Đầu ra Khu Tây	03.20. NT405	7,26	23,0	326	28,6	14,7	2,36	0,604	0,525	KPH	KPH	2.000
		06.20. NT137	7,0	27,8	24,3	36,7	16,3	2,09	0,212	0,714	KPH	KPH	900
		09.20. NT439	6,9	47,0	395	28,8	15,6	4,10	0,492	0,645	KPH	KPH	2.000
		12.20. NT522	6,9	22	357	8,22	16,3	2,94	0,359	0,630	KPH	KPH	2.600

2	Đầu ra Khu B2	03.20. NT407	7,47	18,0	305	31,2	18,8	1,05	2,11	0,693	KPH	KPH	1.500
		06.20. NT135	6,9	25,0	19,8	30,0	23,5	4,17	7,17	0,636	KPH	KPH	2.000
		09.20. NT437	6,81	12,4	326	19,7	13,0	3,53	0,919	0,428	KPH	KPH	1.500
		12.20. NT20	6,8	21	314	5,45	14,1	2,58	4,63	0,551	KPH	KPH	2.400
Giá trị QCVN 14:2008/BTNMT Cột B hệ số K = 1			5 – 9	50	100	1000	4	10	50	20	10	10	5000

- Kết luận:

- 1) Kết quả phân tích mẫu nước thải tại các điểm xả thải của khách sạn đều đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1.
- 2) Không có các điểm quan trắc vượt quy chuẩn và các vấn đề bất thường.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động:

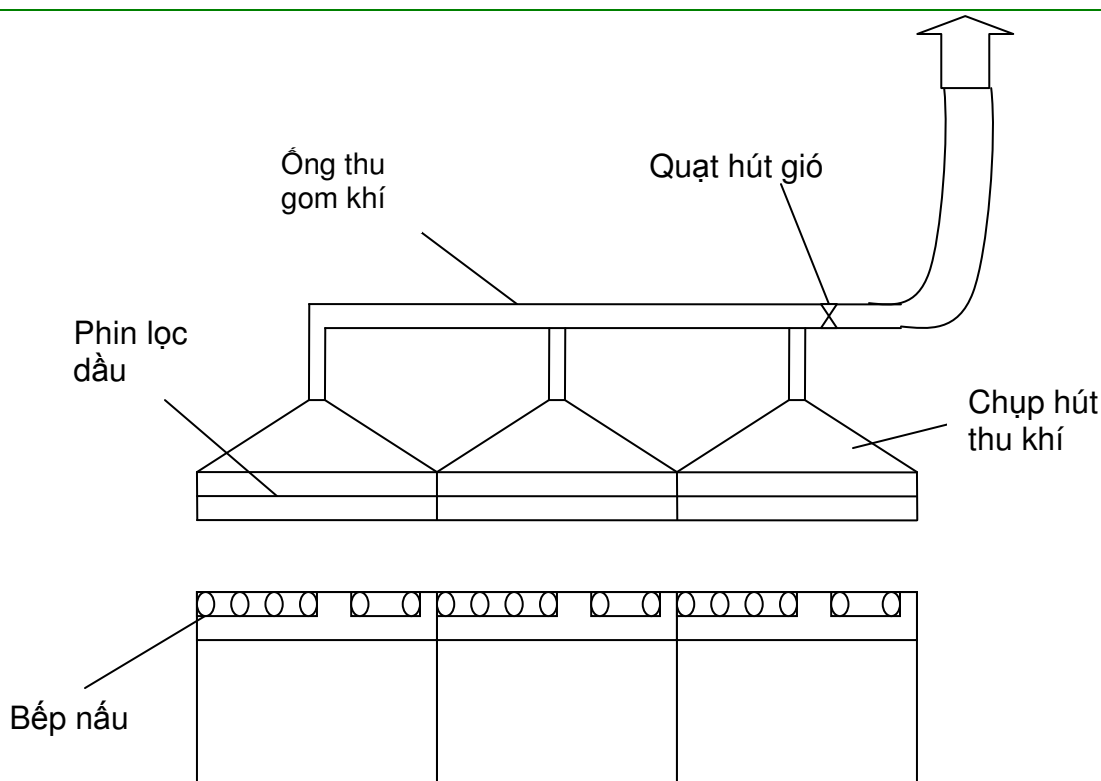
Đơn vị không có trạm quan trắc tự động

2. về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

2.1.1. Xử lý khí thải khu vực bếp:

- Sử dụng các loại nhiên liệu sạch như gas và điện.
- Lắp đặt hệ thống hút khói bụi cục bộ có bộ lọc, bẫy dầu bố trí trên khu vực bếp nấu.
- Lấy mẫu quan trắc 3 tháng/lần, với kết quả đạt qui chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT.
- Tổng lưu lượng khí thải phát sinh: 1.392 m³/h
- Mô hình hệ thống thực hiện như sau:



Thuyết minh quy trình:

Khói phát ra từ mỗi bếp sẽ được hút qua chụp hút khói, tách dầu mỡ, sau đó nhờ hệ thống hút đẩy đưa vào ống thoát ở khu vực thải được bố trí ở trên tầng mái khách sạn. Theo định kỳ 2 lần/tuần khách sạn sẽ làm vệ sinh, lau sạch lớp dầu đọng trong ống thu khí để tránh bất lửa gây hoả hoạn khi bếp quá nóng đột ngột.

2.1.2. Xử lý khí thải máy phát điện:

- Lắp đặt ống khói máy phát điện cao qua khỏi tòa nhà.
- Thường xuyên vệ sinh ống khói thải định kỳ.
- Máy phát điện chỉ hoạt động khi có sự cố sập mạng lưới cấp điện.
- Lấy mẫu quan trắc 3 tháng/lần, với kết quả đạt qui chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT.
- Tổng lưu lượng khí thải phát sinh: 1.460 m³/h

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1. Quan trắc khí thải định kỳ

- Thời gian quan trắc: tháng 3, 6, 9, 12.
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:
 - + Vị trí 1: Cửa xả ống khói máy phát điện tại tầng 6 tòa nhà khu Tây số 77 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận I. Số lượng mẫu: 01.
 - + Vị trí 2: Cửa xả ống khói nhà bếp tại tầng 6 tòa nhà khu Đông số 141 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận I. Số lượng mẫu: 01.

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
Vị trí 1						
1	Khí thải ống khói máy phát điện	03.20. K814	31/03/2020			Cửa xả ống khói máy phát điện tại tầng 6 tòa nhà khu Tây
2		06.20. K210	03/06/2020			
3		09.20. K732	18/09/2020			
4		12.20. K	17/12/2020			
Vị trí 2						
1	Khí thải ống khói nhà ăn	03.20. K813	31/03/2020			Cửa xả ống khói bếp tại tầng 6 tòa nhà khu Đông
2		06.20. K209	03/06/2020			
3		09.20. K731	18/09/2020			
4		12.20. K	17/12/2020			

Bảng 2. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Bụi Tổng	QCVN 19:2009/BTNMT cột A, K = 0,6
2	Độ ồn	
3	CO	
4	SO ₂	
5	NO _x	
6	Nhiệt độ	
7	Lưu lượng	

Bảng 3. Kết quả quan trắc

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số						
			Bụi tổng	Độ ồn	CO	SO ₂	NO _x	Nhiệt độ	Lưu lượng
			mg/Nm ³	dBA	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	°C	m ³ /h
1	Khí thải ống khói máy phát điện	03.20. K814	45,3	74,1	509	0	179	33,7	636
		06.20. K210	40,0	53,7	406	203	114	125	1,447
		09.20. K732	32,2	66,9	523	62,8	250	32,3	1.460
		12.20. K985	58,5	65,5	478	0	157	82,5	1.547
2	Khí thải ống khói nhà ăn	03.20. K813	12,3	--	7,98	0	9,07	34,1	876
		06.20. K209	12,5	--	45,6	5,28	1,36	45,2	950
		09.20. K731	19,4	--	26,2	0	4,06	34,0	1.392
		12.20. K986	12,3	--	18,2	0	0	38,3	332
Giá trị QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kp = 1, Kv = 0,6			200	-	1000	500	850	-	-

- Kết luận:

- 1) Kết quả phân tích mẫu khí thải tại máy phát điện và ống khói nhà bếp của khách sạn có các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 19:2009/BTNMT - cột B, Kv=0,6, Kp=1.
- 2) Không có các điểm quan trắc vượt quy chuẩn và các vấn đề bất thường.

2.2.2. Quan trắc khí thải liên tục, tự động:

Đơn vị không có trạm quan trắc tự động

3. Về quản lý chất thải rắn

3.1 Thống kê CTRSH:

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Chất thải hữu cơ	48.176	Công ty TNHH Một Thành Viên DVCI Quận I, địa chỉ 28 – 30 Nguyễn Thái Bình, P. NTB, QI.	
2	Chất thải tái chế	41.510		
3	Chất thải còn lại	65.811		
	Tổng khối lượng	155.497		

3.2 Thống kê CTCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Ghi chú
1	Tái sử dụng làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất	0	Công ty TNHH Một Thành Viên DVCI Quận I, địa chỉ 28 – 30 Nguyễn Thái Bình, P. NTB, QI.	
2	Sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng	0		
3	Phải xử lý	3.500		
	Tổng khối lượng	3.500		

3.3 Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽¹⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
Pin, ắc qui	16 01 12	44	PT-TC	Cty TNHH SX-DV-TM Môi Trường Việt Xanh, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6-033.VX	
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	118	HR		
Các thiết bị linh kiện điện tử thải	16 01 13	54	PT-TC		
Bao bì thải cứng bằng nhựa	18 01 03	46	TC	Cty TNHH SX-DV-TM Môi Trường Xanh, mã số QLCTNH: 3-4-5-6-076.VX	
Chất hấp thụ, vật liệu lọc (giẻ lau, vải bảo vệ thải)	18 02 01	84	TĐ		

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	5	TĐ	Cty TNHH SX-DV-TM Môi Trường Xanh, mã số QLCTNH: 3-4-5-6-076.VX	
Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu nước	12 06 04	3.525	HR+TĐ		
Tổng số lượng	-	4.011	-	-	

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

Kế hoạch quản lý CTRSH, CTCNTT, và CTNH trong thời gian tới:

- Khách sạn tiếp tục thực hiện việc phân loại thu gom và lưu giữ các loại chất thải theo nghị định 40/2019/NĐ-CP.
- Chuyển giao CTRSH mỗi ngày và CTCNTT khi có phát sinh cho đơn vị Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1 thu gom, vận chuyển, thải bỏ theo đúng qui định.
- Định kỳ tháng/lần chuyển giao CTNH cho đơn vị Công ty TNHH Môi Trường Xanh và Môi Trường Việt Xanh xử lý đúng theo qui định của nhà nước.

4. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có): không có

Tp. HCM, ngày tháng 1 năm 2021

Giám đốc khách sạn

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM:

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh của khách sạn Rex.
2. Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
3. Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường.
4. Quyết định v/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án cải tạo nâng cấp khu Đông – khu Tây khách sạn Bến Thành.
5. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.
6. Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại.
7. Hợp đồng thu gom và xử lý rác thải nguy hại.
8. Hợp đồng thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt.
9. Hợp đồng Bảo dưỡng, Bảo trì, Kiểm soát chất lượng nước thải.
10. Kết quả quan trắc môi trường nước thải, khí thải tháng 3, 6, 9, 12/2020.
11. Hoá đơn thu tiền nước từ kỳ 9, 10, 11/2020.
12. Chứng từ chất thải nguy hại từ tháng 1 – 11/2020.
13. Sơ đồ bản vẽ mặt bằng Hệ thống xử lý nước thải khu Đông và khu Bắc.
14. Sơ đồ bản vẽ mặt bằng Hệ thống xử lý nước thải khu Tây.